

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/DS-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Cẩm Hà

Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Em B**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Em B trình bày: Chị Nguyễn Thị X có làm chủ hui tại địa phương, có nhà đất ổn định nên chị tin tưởng và thỏa thuận với chị X, theo đó chị X bán cho chị 3 dây hui, cụ thể:

Dây hui ngày 10/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2020 dương lịch), chị X bán cho chị một phần hui 2.000.000đồng (trong tổng số 25 phần). Chị đưa cho

chị X một lần với số tiền 29.000.000đồng, chị X thỏa thuận mỗi tháng góp cho chị 2.000.000đồng cho đến khi đủ 25 lần. Sau đó chị X chỉ góp cho chị được 16 lần, còn nợ lại 9 lần là 18.000.000đồng.

Dây hội ngày 16/3/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/4/2021 dương lịch), chị X bán cho chị hai phần hội, mỗi phần hội 2.000.000đồng (trong tổng số 24 phần). Chị đưa cho chị X một lần với số tiền 60.400.000đồng, chị X thỏa thuận mỗi tháng góp cho chị 4.000.000đồng cho đến khi đủ 24 lần. Sau đó chị X chỉ góp cho chị được 7 lần, còn nợ lại 17 lần là 68.000.000đồng.

Dây hội ngày 01/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/9/2021 dương lịch), chị X bán cho chị một phần hội 5.000.000đồng (trong tổng số 24 phần). Chị đưa cho chị X một lần với số tiền 81.500.000đồng, chị X thỏa thuận mỗi tháng góp cho chị 5.000.000đồng cho đến khi đủ 24 lần. Sau đó chị X không góp cho chị được lần nào, nợ chị số tiền 120.000.000đồng.

Giữa chị và chị X chỉ có thỏa thuận chị X bán hội cho chị, chị đưa tiền trước rồi hàng tháng chị X góp lại cho chị, nói là hội chết. Việc thỏa thuận này chỉ có chị và chị X biết, chị cũng không biết ai là hội viên. Chị X không thực hiện theo thỏa thuận, mỗi lần chị yêu cầu trả tiền thì chị X tránh mặt. Chị khởi kiện yêu cầu chị X phải trả lại cho chị số tiền theo thỏa thuận là 18.000.000đồng + 68.000.000đồng + 120.000.000đồng = 206.000.000đồng. Chị chỉ yêu cầu một mình chị X có trách nhiệm trả lại tiền, không yêu cầu ai khác, cũng không yêu cầu đưa ai khác tham gia tố tụng.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị X vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị X phải trả số tiền gốc là 29.000.000đồng + 60.400.000đồng + 81.500.000đồng = 170.900.000đồng và thỏa thuận mức lãi suất của hai bên là cao nên yêu cầu tính lãi suất theo quy định. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị B đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chị X vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là

chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Em B khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị X trả lại số tiền hội hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

[2] Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị X vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng chị X vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị X.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 chị B yêu cầu chị X trả tiền hội và lãi suất theo thỏa thuận là 206.000.000đồng; tại phiên tòa sơ thẩm, chị B chỉ yêu cầu chị X phải trả số tiền gốc là 170.900.000đồng và thỏa thuận mức lãi suất của hai bên là cao nên yêu cầu tính lãi suất theo quy định. Xét thấy, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị B khởi kiện cho rằng chị X có làm chủ hội tại địa phương, có nhà đất ổn định nên chị tin tưởng và thỏa thuận với chị X, theo đó chị X bán cho chị 3 dây hội, cụ thể:

Dây hội ngày 10/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2020 dương lịch), chị X bán cho chị một phần hội 2.000.000đồng (trong tổng số 25 phần). Chị đưa cho chị X một lần với số tiền 29.000.000đồng, chị X thỏa thuận mỗi tháng góp cho chị 2.000.000đồng cho đến khi đủ 25 lần. Sau đó chị X chỉ góp cho chị được 16 lần, còn nợ lại 9 lần là 18.000.000đồng.

Dây hội ngày 16/3/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/4/2021 dương lịch), chị X

bán cho chị hai phần hui, mỗi phần hui 2.000.000đồng (trong tổng số 24 phần). Chị đưa cho chị X một lần với số tiền 60.400.000đồng, chị X thỏa thuận mỗi tháng góp cho chị 4.000.000đồng cho đến khi đủ 24 lần. Sau đó chị X chỉ góp cho chị được 7 lần, còn nợ lại 17 lần là 68.000.000đồng.

Dây hui ngày 01/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/9/2021 dương lịch), chị X bán cho chị một phần hui 5.000.000đồng (trong tổng số 24 phần). Chị đưa cho chị X một lần với số tiền 81.500.000đồng, chị X thỏa thuận mỗi tháng góp cho chị 5.000.000đồng cho đến khi đủ 24 lần. Sau đó chị X không góp cho chị được lần nào, nợ chị số tiền 120.000.000đồng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, theo 3 giấy mua hui chị B cung cấp thể hiện chị B có thỏa thuận mua của chị X các dây hui ngày 10/02/2020, hui ngày 16/3/2021 và hui ngày 01/8/2021 âm lịch, tổng số tiền mà chị B đưa cho chị X là 170.900.000đồng (bút lục 02-04). Chị X vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã ra thông báo số 16/TB-TA ngày 01/8/2022 yêu cầu chị X cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án nhưng đến nay không thực hiện.

Theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó; đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Nếu đương sự không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật này để giải quyết vụ việc dân sự.

Xét thấy trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị X không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, cũng không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Trong khi nguyên đơn chị B

đã thực hiện nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là 3 giấy mua hội thể hiện chị B có thỏa thuận mua của chị X các dây hội ngày 10/02/2020, hội ngày 16/3/2021 và hội ngày 01/8/2021 âm lịch, tổng số tiền mà chị B đưa cho chị X là 170.900.000đồng.

[6] Về lãi suất và số tiền chị B đã nhận, do lãi suất hai bên thỏa thuận là cao hơn so với quy định của pháp luật nên cần phải điều chỉnh cho phù hợp Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Cụ thể:

Dây hội ngày 10/02/2020 âm lịch (nhằm ngày 03/3/2020 dương lịch): $29.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 2 \text{ năm } 6 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 14.918.000\text{đồng}$ (làm tròn). Gốc và lãi là $29.000.000\text{đồng} + 14.918.000\text{đồng} = 43.918.000\text{đồng}$, chị B đã nhận 32.000.000đồng nên chị X còn nợ $43.918.000\text{đồng} - 32.000.000\text{đồng} = 11.918.000\text{đồng}$;

Dây hội ngày 16/3/2021 âm lịch (nhằm ngày 27/4/2021 dương lịch): $60.400.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 1 \text{ năm } 5 \text{ tháng } 2 \text{ ngày} = 17.180.000\text{đồng}$ (làm tròn). Gốc và lãi là $60.400.000\text{đồng} + 17.180.000\text{đồng} = 77.580.000\text{đồng}$, chị B đã nhận 28.000.000đồng nên chị X còn nợ $77.580.000\text{đồng} - 28.000.000\text{đồng} = 49.580.000\text{đồng}$;

Dây hội ngày 01/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/9/2021 dương lịch): $81.500.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 1 \text{ năm } 22 \text{ ngày} = 17.296.000\text{đồng}$ (làm tròn). Gốc và lãi là $81.500.000\text{đồng} + 17.296.000\text{đồng} = 98.796.000\text{đồng}$.

Tổng cộng số tiền chị X có nghĩa vụ trả cho chị B là 160.294.000đồng.

[7] Tòa án đã ra Thông báo số 16/TB-TA ngày 01/8/2022 yêu cầu chị X cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án nhưng đến nay không thực hiện. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, không có ai cung cấp hoặc giao nộp cho Tòa án nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị B, buộc chị X phải trả cho chị B tổng số tiền là 160.294.000đồng.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 160.294.000đồng x 5% = 8.014.700đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Em B.

Buộc chị Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Em B số tiền hội là 160.294.000đồng (Một trăm sáu mươi triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.014.700đồng (tám triệu không trăm mười bốn nghìn bảy trăm đồng).

Chị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.150.000đồng (năm triệu một trăm năm chục nghìn đồng) theo lai thu số 0005409 ngày 06/6/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh